

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/DSST  
Ngày: 29/5/2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Ngoan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thăng;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Thúy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-DS ngày 14/5/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng N;

Trụ sở: Số 2 L, quận B, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Chủ tịch hội đồng thành viên;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim L– Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng N chi nhánh huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền lại: Ông Bùi Trung T– Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(anh T có mặt; bà T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng đại diện ủy quyền lại của Ngân hàng N là ông Bùi Trung T trình bày: Vào ngày 16/11/2017, Ngân hàng N có cho bà Đỗ Thị T vay vốn, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: 6905-LAV-201708745

- Số tiền vay: 250.000.000 đồng;

- Thời hạn vay: 48 tháng;

- Lãi suất cho vay: 12,5%/năm trên nợ gốc tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng

- Hạn trả nợ cuối cùng: 15/11/2021

- Lãi suất phạt quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Lãi suất chậm trả: 10%/năm; phí trả nợ trước hạn, phí khác thực hiện theo thông báo của Ngân hàng N trong từng thời kỳ.

Mức lãi suất cho vay sẽ thay đổi theo lãi suất do bên A công bố trong từng thời kỳ.

- Mục đích vay: mua hàng tiêu dùng.

Phương thức cho vay: từng lần.

Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp bằng tiền lương,

Theo thỏa thuận thì việc phân kỳ trả nợ gốc như sau:

Kỳ 1: 15/5/2018: số tiền gốc là 31.250.000đ,

Kỳ 2: 15/11/2018: số tiền gốc là 31.250.000đ,

Kỳ 3: 15/5/2019: số tiền gốc là 31.250.000đ,

Kỳ 4: 15/11/2019: số tiền gốc là 31.250.000đ,

Kỳ 5: 15/5/2020: số tiền gốc là 31.250.000đ,

Kỳ 6: 15/11/2020: số tiền gốc là 31.250.000đ,

Kỳ 7: 15/5/2021: số tiền gốc là 31.250.000đ,

Kỳ 8: 10/11/2021: số tiền gốc là 31.250.000đ.

Phân kỳ trả lãi cùng kỳ trả nợ gốc.

Tính đến ngày khởi kiện bà T đã trả 91.426.156đ tiền vốn và 27.038.808đ tiền lãi và đến ngày khởi kiện bà T còn nợ tiền vốn là 158.573.844đ và tiền lãi.

Như vậy, hợp đồng trên đã quá hạn vào ngày 15/5/2019 và cho đến nay bà T không trả vốn và lãi.

Nay, Ngân hàng Ngân hàng N yêu cầu Tòa án huyện Gò Công Tây giải quyết những vấn đề sau:

Chấm dứt hợp đồng tín dụng số số: 6905-LAV-201708745 ngày 16/11/2017

- Buộc bà Đỗ Thị T phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc là 158.573.844đ và lãi của hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả hết nợ (lãi tạm tính đến ngày xét xử là: 32.299.290đ. Yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Đỗ Thị T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T là đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà T vắng mặt không lý do.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại **Điều 463** Bộ luật Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc bà Đỗ Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa Ngân hàng N và bà Đỗ Thị T có diễn ra giao dịch vay tiền là có thật và hiện nay bà T còn nợ tiền vay ngân hàng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án Giấy xác nhận thu nhập ngày 12/11/2017; Phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu đời sống ngày 16/11/2017; Hợp đồng tín dụng số 6905-LAV-201708745 ngày 16/11/2017 tất cả đều có chữ ký của bà Đỗ Thị T. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ kiện, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bà T vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó. Trong vụ kiện này nguyên đơn đã đưa ra chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy xác nhận thu nhập ngày 12/11/2017; Phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu đời sống ngày 16/11/2017; Hợp đồng tín dụng số 6905-LAV-201708745 ngày 16/11/2017 tất cả đều có chữ ký của bà Đỗ Thị T, nếu bà T không thừa nhận các chứng cứ trên thì phải có nghĩa vụ chứng minh. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng, bà T cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, không thể hiện ý chí phản đối đối với các chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó ngân hàng

khởi kiện yêu cầu bà T trả cho trả cho Ngân hàng N số tiền vốn 158.573.844đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Theo hợp đồng tín dụng 6905-LAV-201708745 ngày 16/11/2017 được ký kết giữa các bên, tại điều 7 của hợp đồng có điều khoản thỏa thuận lãi suất vay, lãi suất nợ quá hạn, phía Ngân hàng có yêu cầu bà T phải trả lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký kết cho đến khi nào bà T trả hoàn tất nợ. Xét thấy yêu cầu trên là phù hợp với quy định của pháp luật và có cơ sở nên cần được chấp nhận. Do đó, cần buộc bà T phải có trách nhiệm thực hiện việc trả tiền lãi còn lại theo hợp đồng tín dụng số 6905-LAV-201708745 ngày 16/11/2017 cho đến khi hoàn tất nợ (lãi tạm tính đến ngày 29/5/2020 là 32.299.590đ).

[5] Về thời gian trả: Ngân hàng N yêu cầu bà T trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí:

- Buộc bà T phải chịu án phí theo qui định tại Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N nên Ngân hàng được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điều 91, 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

*Xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Chấm dứt hợp đồng tín dụng số: 6905-LAV-201708745 ngày 16/11/2017.

Buộc bà Đỗ Thị T phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N tổng số tiền vốn vay là 158.573.844đ và lãi của hợp đồng tín dụng 6905-LAV-201708745 ngày 16/11/2017 cho đến khi trả tất nợ (lãi tạm tính đến ngày xét xử là 32.299.590đ), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Buộc bà Đỗ Thị T phải chịu 9.543.672đồng (chín triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng N 4.341.106 đồng (bốn triệu ba trăm bốn mươi một nghìn một trăm lẻ sáu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016187 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

3. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Thị Thu Ngoan**